

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ DẠY HỌC TRẢI NGHIỆM TRONG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

TS. NGUYỄN HỮU LÊ*

Abstract: *Experimental ability is a basic of formation and development of other students' abilities. Teaching content of "Creative experience" subject in the new general education program shall be combined with other subjects to bring the experience ability for students. Assessing experimental ability shall be combined between qualitative and quantitative assessments to contribute to promoting the process of characteristic development of students.*

Keywords: *experimental study, experimental teaching, experimental ability, creative ability, experimental ability assessment.*

Trong những năm qua, việc thực hiện thí điểm mô hình trường học mới (VNEN) với những thành công bước đầu đã được nhiều địa phương thực hiện trên diện rộng từ tiểu học cho đến những lớp đầu cấp trung học cơ sở (THCS). Khi tiếp cận với dạy học theo mô hình trường học mới, một số cán bộ quản lý và giáo viên (GV) vẫn chưa hiểu rõ việc dạy học phát triển năng lực và đánh giá năng lực học sinh (HS), nhất là dạy học các chủ đề *Hoạt động trải nghiệm sáng tạo*. Căn cứ vào *Dự thảo Chương trình giáo dục phổ thông mới* của Bộ GD-ĐT và thực trạng dạy học theo mô hình VNEN ở một số trường THCS, chúng tôi trình bày khái quát một số vấn đề về *năng lực trải nghiệm* (NLTN) và *dạy học trải nghiệm* (DHTN) để làm cơ sở nhận thức cho việc thực hiện chương trình giáo dục (GD) phổ thông mới.

1. Năng lực trải nghiệm

Theo Weinert: "năng lực là một sở hữu của cá nhân, đó là những khả năng mà cá thể có được nhờ sự kết hợp giữa cái sẵn có và cái học tập được về các kĩ năng nhận thức, khả năng giải quyết vấn đề cụ thể, các ý chí, động lực liên quan, sự sẵn sàng hoạt động xã hội. Những yếu tố này giúp mỗi người thành công trong việc xử lí các sự cố và có trách nhiệm trong các tình huống khác nhau" (1; tr 17). Nói cách khác, năng lực là khả năng hành động giải quyết các tình huống xảy ra trong đời sống của mỗi cá nhân. Theo **Việt Nam Tự điển**, "trải nghiệm là sự trải qua, kinh qua một hoàn cảnh, môi trường, điều kiện nào đó để suy ngẫm, suy xét hay chứng thực một điều gì đó" (2; tr 346). Theo *Từ điển Oxford online*, từ "trải nghiệm" (experience) có nhiều nghĩa khác nhau, trong đó có nghĩa: "trải nghiệm là quá trình hoặc thực tế của cá nhân quan sát, gặp phải, hoặc trải qua một cái gì đó" (the process or fact of personally observing, encoun-

tering, or undergoing something). Một số người đã có quan niệm đồng nhất giữa "kinh nghiệm" và "trải nghiệm": kinh nghiệm thường được xem là kết quả của hoạt động thực tiễn, tức là kết quả của "sự tương tác giữa con người với thế giới" (3; tr 822); còn trải nghiệm là những hoạt động diễn ra bên trong hoặc bên ngoài để thỏa mãn các nhu cầu tinh cảm, nhận thức, tự rèn luyện của cá nhân. Xét về mặt từ loại, "kinh nghiệm" là danh từ, còn "trải nghiệm" là động từ. Gắn nghĩa với "trải nghiệm" là "thử nghiệm", chúng khác nhau về nét nghĩa. Thử nghiệm là một hoạt động mà trong nghĩa của nó đã chứa đựng một sự chấm dứt (kể cả khi mục đích của nó mang đến sự thành công hay không thành công). Trải nghiệm là một hoạt động mà trong đó không có dấu hiệu chấm dứt, nó thể hiện hoạt động đang diễn ra và khả năng chuyển trạng thái (khi đạt được trải nghiệm này thì nhu cầu trải nghiệm mới đặt ra). Trải nghiệm bao giờ cũng tồn tại bởi một phương thức nhất định tương ứng với hệ quả nhất định cho mỗi cá nhân. Hoạt động học tập là một trong các phương thức trải nghiệm nếu nó diễn ra một cách chủ động và sự tích cực của mỗi cá nhân. Vì thế, học tập trải nghiệm là hoạt động GD có ý nghĩa đối lập với những gì mang tính "giáo điều, hàn lâm, sách vở". NLTN là kết quả của hoạt động trải nghiệm (HĐTN) mà biểu hiện của nó là khả năng tham gia và thực hiện các hoạt động thực tiễn để hình thành những kiến thức, kĩ năng và kinh nghiệm mà cá nhân qua những hoạt động đó. NLTN của HS là những phẩm chất và tư duy hình thành qua quá trình hoạt động học tập và HĐTN trong mối liên hệ giữa những tri thức, kĩ năng có được (kinh nghiệm) với tri thức, kĩ năng nhận được (học tập) và tri thức, kĩ năng vượt trội. Đây cũng chính

* Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu

là vấn đề được nêu ra trong *4 trụ cột GD* của UNESCO (1997); và mục tiêu của công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT ở nước ta hiện nay thực chất là hướng đến hình thành NLTN cho HS.

2. Ý nghĩa của việc hình thành năng lực trải nghiệm cho HS

HĐTĐN là một nội dung của quá trình dạy học nhằm hướng đến phát triển các năng lực cơ bản của HS, trong đó NLTN như là một *năng lực tiền đề* để hình thành nên các năng lực khác. HĐTĐN là hình thức của GD trải nghiệm, “lấy HS làm trung tâm” và cung cấp cho HS phương pháp học tập trải nghiệm. DHTN khắc phục sự nhàm chán của hình thức lớp học truyền thống để tạo ra những hình thức học tập khác nhau, trong đó hình thức lớp học ngoài trời luôn được HS yêu thích. *HĐTĐN sáng tạo* được xây dựng nội dung bằng các chuyên đề vừa mang tính tích hợp vừa mang tính chuyên biệt. Các hoạt động GD trong nhà trường như: sinh hoạt lớp, sinh hoạt trường, sinh hoạt Đội, sinh hoạt Đoàn,... chỉ là một phần của DHTN. Các môn học bắt buộc và tự chọn trong chương trình GD phổ thông mới có thể thực hiện bằng DHTN, kể cả những môn không phải là môn học thực nghiệm. HĐTĐN là con đường đưa HS đến với sự sáng tạo. Tuy nhiên, không phải bất cứ HĐTĐN nào cũng dẫn đến sáng tạo, chỉ khi nào những khả năng như: nhận biết, quan sát, phán đoán, phân tích, tổng hợp,... được sử dụng làm phương tiện cho các HĐTĐN thì sự sáng tạo mới bắt đầu. Mặt khác, năng lực của HS tồn tại dưới dạng tiềm năng và HĐTĐN có khả năng khơi dậy các tiềm năng ở HS, tức là làm gia tăng năng lượng của sự sáng tạo ở mỗi HS. Khi NLTN được hình thành, sẽ có khả năng hạn chế được các tổ chất kìm hãm sự phát triển nhân cách như: lười biếng, hèn nhát, tự ti, hoài nghi, ích kỉ,...

3. Một số yêu cầu trong dạy học trải nghiệm

3.1. Tạo môi trường học tập. DHTN chủ yếu là dạy học bên ngoài lớp học, do đó cần có môi trường học tập. Tùy theo mỗi cấp học mà có những môi trường học tập riêng. Ở các trường tiểu học, môi trường học tập có thể là sân trường, vườn trường với rất nhiều cây cối, hoặc các di tích, thắng cảnh của địa phương, các sân chơi, bể bơi, câu lạc bộ, nhà văn hóa, sở thú, trại chăn nuôi, cánh đồng,... là những nơi không tốn nhiều thời gian di chuyển. Ở các trường trung học, môi trường và không gian học tập có thể mở rộng và đa dạng hơn như: viện bảo tàng, viện nghiên cứu động thực vật, các trang trại, những khu rừng,... thậm chí cả đường phố, khu chợ đều có thể là môi trường học tập cho DHTN. Các cấp quản lí GD phải tính đến vấn đề tạo môi trường học tập ngoài trời mang tính khả thi khi thiết kế chương trình GD, trong đó có sự tính toán cho việc xây dựng

khu học tập ngoài trời ngay trong khuôn viên trường học. Bên cạnh đó, việc tạo lập mối quan hệ với các cơ quan, công ti, cơ sở sản xuất để đưa HS đến tham quan những nơi liên quan đến việc thực hiện chương trình DHTN. Điều quan trọng của vấn đề này là sự xác định và lựa chọn môi trường học tập của GV để thực hiện DHTN trong sự tương quan của nội dung dạy học và điều kiện thực tiễn của môi trường ở mỗi địa phương.

3.2. Xác định nội dung học tập và khả năng thực hiện. Để tránh khỏi tình trạng chấp vạ và không hiệu quả, đòi hỏi việc DHTN phải được thực hiện bằng một kế hoạch hợp lí và khoa học. Vì DHTN thực hiện cho tất cả các môn học, kể cả những nội dung dạy học mang tính liên môn. Việc xác định thời lượng cho DHTN các môn học và kế hoạch thực hiện là hết sức quan trọng, có ý nghĩa quyết định tính khả thi của việc DHTN. Nội dung học tập, môi trường học tập, phương pháp và phương tiện thực hiện DHTN phải được tính toán cẩn thận và được kế hoạch hóa, trong đó phải tính đến cả vấn đề năng lực của GV, tâm lí, thể chất của HS, sự đồng tình của phụ huynh. Trong công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT hiện nay, vấn đề DHTN không chỉ là nhiệm vụ chuyên môn của một trường mà là vấn đề cần được sự quan tâm, tạo điều kiện của nhiều lực lượng xã hội khác nhau. Để thực hiện có hiệu quả DHTN, các Sở GD-ĐT cần thành lập trung tâm tư vấn lớp học ngoài trời để giúp đỡ các trường xây dựng chương trình, kế hoạch dạy học, thiết kế module học tập, những giải pháp hạn chế tối đa tai nạn hoặc rủi ro...

3.3. Xây dựng đội ngũ GV. Hiện nay, ở nước ta chưa có đội ngũ GV chuyên tổ chức dạy học ngoài trời. Do đó, trước hết phải phát huy nội lực ở trong mỗi đơn vị GD. Kinh nghiệm của nhiều nước cho thấy, các nhà quản lí GD “khuyến khích GV có thể xem lớp học ngoài trời, cả trong và ngoài sân trường, như là một nguồn tài nguyên học tập có giá trị”. Những GV có kĩ năng hoạt động tập thể, tổ chức lớp học ngoài trời, tổ chức các hoạt động dã ngoại, nghiên cứu khám phá thiên nhiên,... được tập hợp lại để thử nghiệm dạy học ngoài trời dựa trên sự đóng góp của từng cá nhân trong nhóm. Khi đã có kinh nghiệm, việc tổ chức DHTN có thể giao cho từng GV bộ môn.

Nhiều nước trên thế giới coi việc đào tạo GV trở thành những “nhà chuyên môn GD ngoài trời” trở nên cấp thiết, có ý nghĩa quyết định đến chất lượng việc dạy học ngoài trời. Họ sẽ đảm nhận nhiệm vụ hỗ trợ cho những GV khác thực hiện các buổi học ngoài trời với tư cách vừa là “cố vấn”, vừa là “trợ thủ”. Những năm qua, chương trình đào tạo GV ở nước ta chưa chú trọng đến phát triển NLTN cùng với phương pháp nghiên cứu thực địa cho người học. Các trường sư

phạm nên kịp thời đào tạo đội ngũ GV trở thành những chuyên gia trong một số chuyên ngành của GD ngoài trời, đặt ra những tiêu chuẩn để đánh giá GV và cấp chúng chỉ cho họ.

3.4. Huy động nguồn lực. Điều kiện KT-XH nước ta hiện nay còn nhiều khó khăn, vì vậy, việc huy động các nguồn lực xã hội như là nhiệm vụ của xã hội hóa GD, trong đó sự tự nguyện đóng góp của phụ huynh là hết sức quan trọng. Những cuộc tham quan hoặc nghiên cứu thực địa cần phải có sự tham gia của cha mẹ HS, không chỉ về mặt tài chính mà cả sự trợ giúp trong việc bảo đảm an toàn cho con em họ là hết sức cần thiết. Ngoài ra, nhà trường cần liên hệ với chính quyền, các cơ quan chức năng, các cơ sở sản xuất chế biến, các nhà hảo tâm,... để họ gánh vác một phần trách nhiệm đối với GD, tạo nên sức mạnh cho các hoạt động GD của nhà trường, trong đó có hoạt động dạy học ngoài trời.

3.5. Vận dụng các phương pháp dạy học hiện đại. DHTN là hình thức của dạy học tích cực, trong đó việc trao quyền chủ động cho HS để tạo điều kiện cho các em phát triển năng lực là đặc trưng cơ bản của DHTN. Hai hình thức dạy học phát triển năng lực được quan tâm hiện nay là *dạy học theo kịch bản* (Scenarios Based Learning) và *dạy học theo dự án* (Project Based Learning). Cụ thể:

- *Dạy học theo kịch bản:* Nội dung bài học có cấu trúc như một vở kịch, trong đó đòi hỏi mỗi HS phải hoàn thành vai diễn của mình. Sự tham gia của GV như là một “ đạo diễn ” để giúp đỡ HS, đồng thời là “ khán giả ” để cổ vũ hoặc bình phẩm. GV chỉ xuất hiện vào hai thời điểm của giờ học: đầu giờ để thực hiện phân vai, cuối giờ để làm nhiệm vụ của khán giả. Để tổ chức hình thức dạy học này đạt hiệu quả, yêu cầu GV phải có một sự chuẩn bị cả về nội dung và phương pháp để hoạt động học tập của HS diễn ra theo một quy trình. Nói cách khác, GV phải xây dựng được kịch bản dạy học để mọi hoạt động của HS diễn ra theo đúng kế hoạch và đạt được mục tiêu đề ra. Khi chưa có một chuyên gia tư vấn cho vấn đề này. Trong quá trình xây dựng kịch bản, có thể tham khảo cấu trúc một số chương trình truyền hình mà GV cho là phù hợp.

- *Dạy học theo dự án:* Yêu cầu HS vận dụng những kiến thức, kĩ năng mà mình có được qua quá trình học tập để giải quyết một vấn đề, một hiện tượng xảy ra trong tự nhiên. Để thực hiện hình thức dạy học này, GV đưa ra một tình huống để yêu cầu HS tìm cách giải quyết. HS có thể huy động sự giúp đỡ khác nhau kể cả trong và ngoài nhà trường, thực hiện dự án và báo cáo kết quả, rút ra bài học từ việc trải nghiệm. Tình huống đưa ra phải ngắn gọn và hấp dẫn, gợi trí tò mò cho HS. Ví dụ: khi học chủ đề “ Cây xanh ”, trước khi tổ

chức dạy học, GV giao cho mỗi nhóm một nhiệm vụ mang tính tình huống: dùng củ, quả, hạt, thân để tạo ra một cây non và miêu tả chúng. HS sẽ nghiên cứu sách vở, tìm thông tin trên Internet, nhờ cha mẹ và thầy cô giúp đỡ để biết được các đặc điểm sinh dưỡng của đối tượng, từ đó xây dựng kế hoạch để trồng cây. Sau khi hoàn thành dự án của mình, HS đã trải nghiệm được quá trình sinh trưởng của một số loài thực vật mà các em thực hiện gieo trồng. Nhờ kết quả của quá trình thực hiện dự án, HS không chỉ biết được các bộ phận của từng loại cây mà còn biết được đặc điểm sinh trưởng của các cây. Hình thức dạy học này cũng có thể thực hiện với các môn *Khoa học xã hội* và môn *Ngữ văn* bằng việc tổ chức cho HS thực hiện các cuộc hành trình tham quan, khám phá các di tích lịch sử hay danh lam thắng cảnh. Mỗi cuộc tham quan, HS tự tìm hiểu trước thông tin nơi mình đến, xây dựng kế hoạch để khám phá các đối tượng tham quan, chuẩn bị những phương tiện để thu thập thông tin. Kết quả các hoạt động này là bản báo cáo của cá nhân hoặc nhóm để trình bày trước “ Hội đồng Khoa học lớp ”. Mỗi cá nhân hoặc nhóm đều phải chịu sự chất vấn của các bạn trong lớp về kết quả thực hiện “ dự án ” của mình.

* * *

Năng lực ở lứa tuổi HS là một hiện tượng phức hợp mang tính quá trình: có những năng lực hình thành ở lứa tuổi này mà không hình thành ở lứa tuổi khác; có năng lực chỉ có ý nghĩa với giai đoạn cuộc đời này mà không có ý nghĩa với giai đoạn cuộc đời khác; có những năng lực hình thành từ trong nhà trường nhưng cũng có nhiều năng lực hình thành từ trong đời sống xã hội,... Trong những năng lực đó, NLTN là một năng lực có “ tính nguyên tắc ” để thúc đẩy các năng lực khác phát triển, đồng thời đảm bảo cho các năng lực khác tồn tại một cách có ý nghĩa. GD hiện đại định hướng phát triển năng lực hành động của người học, trong đó NLTN là một điều kiện để phát triển nhân cách. □

(1) Weinert, F. E. *Vergleichende Leistungsmessung in Schulen - eine umstrittene Selbstverständlichkeit* (In: Weinert, FE (Hg.): *Leistungsmessung in Schulen*). Weinheim, 2001.

(2) **Việt Nam Tự điển.** NXB Trung Bắc Tân Văn, H. 1931.
Tài liệu tham khảo

1. House of Commons, *Education Outside the Classroom*, Printed in the United Kingdom by The Stationery Office Limited, London 2/2005.

2. Will Nixon, “Letting Nature Shape Childhood”, *The Amicus Journal*, Fall 1997.

3. Bộ GD-ĐT. *Báo cáo số 962/BC-BGDĐT về tổng hợp và tiếp thu giải trình các ý kiến của các tổ chức cá nhân về dự thảo chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*. H. 2015.